

Bản án số: 86/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 21/9/2023

“V/v ly hôn, chia tài sản chung và con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Đinh Thế Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Thanh Nga.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST - HNGĐ ngày 30/5/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị A, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Ph Nh, xã Th H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Ph Nh, xã Th H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình - Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N chi nhánh huyện Minh Hóa, Bắc Quảng Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H - Phó giám đốc (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Qu Đ, huyện M H, tỉnh Quảng Bình

- Ngân hàng C huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tất Th – Phó giám đốc (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Qu Đ, huyện M H, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/5/2023 của nguyên đơn Trương Thị A trình bày giữa chị và anh Trương Văn L đã đăng ký kết hôn ngày 27/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Th H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị A làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Con chung của vợ chồng: Chị A và anh L có 02 người con chung là cháu Trương Hải Đ, sinh ngày 19/11/2006 và cháu Trương Thị Thu Th, sinh ngày 20/01/2016. Tôi cũng muốn nuôi cháu Th, giao cháu Đ cho anh L nuôi dưỡng.

Tài sản chung: 01 ngôi nhà gắn liền trên đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 thửa đất rừng đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung cho tôi. Về thửa đất rừng tôi không yêu cầu giải quyết vì đất rừng khoanh nuôi bảo vệ.

Khoản vay chung: Vay ngân hàng C 70.000.000 đồng chị A nhận trách nhiệm trả.

Vay ngân hàng N huyện Minh Hóa số tiền 100.000.000 đồng giao cho anh L trả.

Tại phiên hòa giải ngày 04/7/2023 anh Trương Văn L trình bày anh cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn nữa.

Con chung: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu Trương Hải Đ, sinh ngày 19/11/2006 và cháu Trương Thị Thu Th, sinh ngày 20/01/2016. Tại phiên tòa anh L nhất trí giao cháu Th cho chị A nuôi dưỡng, và anh L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ theo như ý kiến của chị A.

Tài sản chung: 01 ngôi nhà và 01 thửa đất gắn liền với ngôi để lại cho con trai; Về thửa đất rừng anh L không có ý kiến gì.

Khoản vay chung: Vay ngân hàng C 70.000.000 đồng và vay ngân hàng N huyện Minh Hóa số tiền 100.000.000 đồng. Anh L yêu cầu chia đôi hai khoản vay chung trên.

Ý kiến của Ngân hàng N chi nhánh huyện Minh Hóa, Bắc Quảng Bình: Anh Trương Xuân L và chị Trương Thị A vay vốn tại ngân hàng N huyện Minh Hóa số tiền 100.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày xét xử là 25.382.054 đồng, tổng

cộng: 125.382.054 đồng, thế chấp bằng đất thổ cư và căn nhà gỗ gắn liền với đất, có xác nhận của UBND xã Th H, huyện M H, đất này hiện nay đang làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại khoản vay này đã quá hạn, nếu anh L và chị A ly hôn thì phải thanh toán hết số nợ cho ngân hàng cả gốc và lãi theo quy định.

Tại các phiên hòa giải, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và tại bản tự khai đại diện ngân hàng C huyện Minh Hóa trình bày: Anh Trương Xuân L và chị Trương Thị A vay vốn tại ngân hàng C huyện Minh Hóa số tiền 70.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử là 213.000 đồng. Hiện nay khoản vay này đã quá hạn. Nếu anh L và chị A ly hôn thì ngân hàng yêu cầu phải thanh toán hết số nợ cho ngân hàng cả gốc và lãi theo quy định. Hoặc bên nào được giao tài sản thì giao trách nhiệm trả nợ cho bên đó để đảm bảo việc thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia giải quyết vụ án đưa ra quan điểm xét xử như sau: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Đại diện Viện kiểm sát đưa ra quan điểm xét xử như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình: Đề nghị giải quyết cho Trương Thị A ly hôn với anh Trương Văn L.

Về con chung: Giao cháu Trương Hải Đ sinh ngày 19/11/2006 cho anh Trương Văn L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trương Thị Thu Th sinh ngày 20/01/2016 cho chị Trương Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai được ngăn cản việc chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Áp dụng Điều 33,37 Luật hôn nhân gia đình đề nghị:

Cho anh L được hưởng các tài sản sau:

+ Được sử dụng diện tích 769m² được tách ra từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã Th H, huyện M H, có giá trị 164.000.000 đồng; 01 Nhà ở diện tích 83m² nhà kết cấu sườn gỗ, cửa gỗ đơn giản, mái lợp tôn fibro xi măng, xây dựng năm 2013, sau khi trừ khấu hao còn giá trị: 47.741.000 đồng; 01 Nhà bếp xung quanh đơn giản, cửa ván ghép mái lợp tôn fibro xi măng diện tích 36,52m², xây dựng năm 2013, sau khi trừ khấu hao còn giá trị: 16.461.000 đồng.

Anh L có nghĩa vụ phải trả khoản vay Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện Minh Hóa – Bắc Quảng Bình tại hợp đồng tín dụng số 3806 – LAV –

201902218 ngày 28/11/2019, tính đến ngày xét xử: dư nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi phải trả 25.382.054 đồng, tổng cộng: 125.382.054 đồng

Cho chị A được hưởng các tài sản sau:

+ Được sử dụng diện tích 333m² được tách ra từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã Th H, huyện M H, có giá trị 70.990.000 đồng.

Chị A có nghĩa vụ trả khoản vay vốn Ngân hàng C huyện Minh Hóa tại 3 khế ước số 6600000708459899; 6600000708460369; 6600000708460005, tính đến ngày xét xử: dư nợ gốc 70.000.000 đồng và lãi phải trả 213.000 đồng, tổng cộng: 70.213.000 đồng.

Sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ ngân hàng chị A còn được hưởng: 777.000 đồng.

Do anh L được hưởng số tài sản có giá trị lớn hơn nên anh L phải có nghĩa vụ trả chênh lệch cho chị A, số tiền: 51.021.473 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chị A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh L và chị A phải chịu án phí có giá ngạch về chia tài sản mỗi người là: 2.589.923 đồng theo quy định.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, phân tích những mâu thuẫn của vợ chồng để mỗi bên tự khắc phục sửa chữa cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay chị A và anh L một mực xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2] Chị Trương Thị A và anh Trương Văn L đã đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Th H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng vì đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng

Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị A và anh Trương Văn L là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị A, anh L và các con của anh chị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho chị Trương Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Thị Thu Th, sinh ngày 20/01/2016, giao cho anh Trương Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Hải Đ, sinh ngày 19/11/2006. Chị A và anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung: 01 ngôi nhà gắn liền trên đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ngày 23/8/2023 Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã tiến hành xem xét thẩm định các tài sản theo chị A và anh L kê khai và định giá các tài sản. Kết quả như sau:

Thửa đất xem xét thẩm định số 49, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã Th H, huyện M H có tứ cận:

Cạnh phía Bắc giáp thửa đất số 40 dài 32,82 m; Cạnh phía Nam giáp đường giao thông dài 33,35 m; cạnh phía Đông giáp thửa đất số 50 và thửa đất số 66 dài 34,73 m; cạnh phía Tây giáp đường giao thông dài 33,57 m. Tổng diện tích thửa đất 1.102 m² trong đó diện tích đất ở là 400 m², đất trồng cây hàng năm diện tích 702 m², đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên thửa đất có 01 ngôi nhà kết cấu sườn gỗ, cửa gỗ đơn giản, mái lợp fibroximang, diện tích 10m x 8,3m = 83 m² và 01 ngôi nhà bếp diện tích 4,4m x 8,3m = 36,52 m².

Kết quả định giá như sau:

- Đất ở diện tích 400 m² có giá trị là 13.600.000 đồng.

- Đất trồng cây hàng năm diện tích 702 m² có giá trị là 14.040.000 đồng.

Tham khảo giá thị trường thì giá trị của thửa đất là 234.990.000 đồng.

- Nhà ở diện tích 83 m² kết cấu sườn gỗ, cửa gỗ đơn giản, mái lợp fibroximang có giá trị là 47.741.000 đồng.

- Nhà bếp diện tích 36,52 m² xung quanh đơn giản, cửa ván ghép, mái lợp fibroximang có giá trị là 16.461.000 đồng.

[5] Về khoản vay chung: Chị A và anh L thống nhất vay ngân hàng N chi nhánh huyện Minh Hóa và vay tại Ngân hàng C huyện Minh Hóa số tiền. Nhưng không thống nhất được việc chia nghĩa vụ để trả cho ngân hàng. Xét thấy các khoản vay chung của chị A và anh L 01 ngôi nhà gỗ 3 gian làm năm 2018 trị giá khoảng 700.000.000 đồng, được ký kết đúng trình tự và có hợp đồng vay vốn theo như lời khai của Ngân hàng nên đây là hai khoản vay chung của chị A và anh L nên buộc A và anh L chịu trách nhiệm trả các khoản vay chung để đảm bảo thu hồi vốn cho Nhà nước. Hiện nay tổng số tiền gốc và lãi tại Ngân hàng N chi nhánh huyện Minh

Hóa là 125.382.054 đồng tại Hợp đồng số 3806-LAV-201902218 ngày 28/11/2019. Tổng số tiền gốc và lãi vay tại Ngân hàng C huyện Minh Hóa là 70.213.000 đồng tại khế ước vay vốn số 6600000708459899 ngày 20/9/2016, khế ước số 6600000708460369 ngày 11/7/2023 và khế ước số 6600000708460005 ngày 20/9/2019.

Hội đồng xét xử phân chia tài sản chung và chia nghĩa vụ chung của chị A và anh L như sau:

[6] Hội đồng xét xử phân chia tài sản chung và nợ chung như sau:

- Anh L được hưởng các tài sản sau:

+ Anh L được sử dụng diện tích 769m² trong đó có 300m² đất ở được tách ra từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã Th H, có giá trị 164.000.000 đồng, thửa đất có tứ cạnh như sau:

Cạnh phía Bắc giáp thửa đất số 40 BHK dài 30,82m.

Cạnh phía Nam giáp thửa đất được chia cho chị Anh dài 32,97m.

Cạnh phía Đông giáp thửa đất số 50 BHK dài 24,71m.

Cạnh phía Tây giáp đường giao thông dài 23,57m.

+ Xét thấy hiện nay anh L đang ở tại ngôi nhà và chị A không còn nhu cầu ở tại ngôi nhà mà vợ chồng tạo lập nên Hội đồng xét xử giao cho anh L được sử hữu ngôi nhà ở diện tích 83m² nhà kết cấu sườn gỗ, cửa gỗ đơn giản, mái lợp tôn fibro xi măng, xây dựng năm 2013, sau khi trừ khấu hao còn giá trị: 47.741.000 đồng và 01 ngôi nhà bếp xung quanh đơn giản, cửa ván ghép mái lợp tôn fibro xi măng diện tích 36,52m², xây dựng năm 2013, sau khi trừ khấu hao còn giá trị: 16.461.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh L được hưởng là: 228.202.000 đồng.

Anh L có nghĩa vụ phải trả khoản vay Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện Minh Hóa – Bắc Quảng Bình tại hợp đồng tín dụng số 3806 – LAV – 201902218 ngày 28/11/2019, tính đến ngày 21/9/2023: dư nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi phải trả 25.382.054 đồng, tổng cộng: 125.382.054 đồng.

Sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ ngân hàng trị giá tài sản mà anh L còn được hưởng là: 102.819.946 đồng.

Cho chị A được hưởng các tài sản sau:

+ Được sử dụng diện tích 333m² trong đó có 100m² đất ở được tách ra từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã Th H, có giá trị 70.990.000 đồng, thửa đất có tứ cạnh như sau:

Cạnh phía Bắc giáp thửa đất được chia cho anh L dài 32,97m.

Cạnh phía Nam giáp đường giao thông dài 33,35m.

Cạnh phía Đông giáp thửa đất số 50 BHK và thửa đất số 66 BHK dài 10,02m.

Cạnh phía Tây giáp đường giao thông dài 10m.

Tổng giá trị tài sản chị A được hưởng là: 70.990.000 đồng.

Chị A có nghĩa vụ trả khoản vay vốn Ngân hàng C huyện Minh Hóa tại 3 khế ước số 6600000708459899; 6600000708460369; 6600000708460005, tính đến ngày 11/7/2023: dư nợ gốc 70.000.000 đồng và lãi phải trả 213.000 đồng, tổng cộng: 70.213.000 đồng.

Sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ ngân hàng chị A được hưởng giá trị tài sản là 777.000 đồng.

Do anh L được hưởng số tài sản có giá trị lớn hơn nên anh L phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch chia tài sản cho chị A, số tiền: 51.021.473 đồng.

Như vậy, Anh L và chị A mỗi người đều được hưởng giá trị tài sản ngang nhau là: 51.798.473 đồng.

[6] Án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Chị Trương Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 2.589.923 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000771 ngày 30/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị A còn phải nộp 2.589.923 đồng.

Anh Trương Văn L phải chịu 2.589.923 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân chia tài sản.

Về chi phí tố tụng: Ngày 27/7/2023 chị A làm đơn yêu cầu thẩm định và định giá tài sản và nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 2.500.000 đồng và Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã chi phí hết. Do chị A và L không thỏa thuận được cách phân chia tài sản nên mỗi người phải chịu một nửa chi phí tố tụng. Chị A đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên buộc anh L phải trả cho chị A số tiền 1.250.000 đồng chi phí tố tụng để thanh toán lại chị A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 157, 165 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 33, 37, 38, 51, 55, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị A được ly hôn với anh Trương Văn L.

2. Về con chung: Xử giao Trương Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Thị Thu Th, sinh ngày 20/01/2016, giao cho anh Trương Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Hải Đ, sinh ngày 19/11/2006. Chị A và anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và vay chung:

3.1. Anh L được hưởng các tài sản và có nghĩa vụ trả các khoản vay sau:

Anh L được sử dụng diện tích 769m² trong đó có 300m² đất ở được tách ra từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã Th H, huyện M H, có giá trị 164.000.000 đồng, thửa đất có tứ cạnh như sau: Cạnh phía Bắc giáp thửa đất số 40 BHK dài 30,82m; Cạnh phía Nam giáp thửa đất được chia cho chị Anh dài 32,97m; Cạnh phía Đông giáp thửa đất số 50 BHK dài 24,71m; Cạnh phía Tây giáp đường giao thông dài 23,57m.

Anh L được sử hữu ngôi nhà ở diện tích 83m² nhà kết cấu sườn gỗ, cửa gỗ đơn giản, mái lợp tôn fibro xi măng, xây dựng năm 2013 trị giá: 47.741.000 đồng và 01 ngôi nhà bếp xung quanh đơn giản, cửa ván ghép mái lợp tôn fibro xi măng diện tích 36,52m², xây dựng năm 2013, trị giá: 16.461.000 đồng.

Anh L có nghĩa vụ phải trả khoản vay Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện Minh Hóa – Bắc Quảng Bình tại hợp đồng tín dụng số 3806 – LAV – 201902218 ngày 28/11/2019, tính đến ngày 21/9/2023: dư nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi phải trả 25.382.054 đồng, tổng cộng: 125.382.054đ (một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm tám mươi hai ngàn không trăm năm mươi tư đồng).

3.2. Cho chị A được hưởng các tài sản và có nghĩa vụ trả các khoản vay sau:

Chị A được sử dụng diện tích đất 333m² trong đó có 100m² đất ở được tách ra từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã Th H, có giá trị 70.990.000

đồng, thửa đất có tứ cạnh như sau: Cạnh phía Bắc giáp thửa đất được chia cho anh Lai dài 32,97m; Cạnh phía Nam giáp đường giao thông dài 33,35m.

Cạnh phía Đông giáp thửa đất số 50 BHK và thửa đất số 66 BHK dài 10,02m; Cạnh phía Tây giáp đường giao thông dài 10m.

Chị A có nghĩa vụ trả khoản vay vốn Ngân hàng C huyện Minh Hóa tại 3 khế ước số 6600000708459899; 6600000708460369; 6600000708460005, tính đến ngày 11/7/2023: dư nợ gốc 70.000.000 đồng và lãi phải trả 213.000 đồng, tổng cộng: 70.213.000đ (Bảy mươi triệu hai trăm mười ba ngàn đồng).

3.3. Buộc anh L phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch phân chia tài sản cho chị A, số tiền: 51.021.473 đ (năm mươi một triệu không trăm hai mươi một ngàn bốn trăm bảy ba đồng).

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Chị Trương Thị A phải chịu 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 2.589.923 đ (hai triệu năm trăm tám mươi chín ngàn chín trăm hai mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm về phân chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000771 ngày 30/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị A còn phải nộp 2.589.923 đ (hai triệu năm trăm tám mươi chín ngàn chín trăm hai mươi ba đồng).

Anh Trương Văn L phải chịu 2.589.923 đ (hai triệu năm trăm tám mươi chín ngàn chín trăm hai mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm về phân chia tài sản.

Về chi phí tố tụng: Buộc anh L thanh toán lại 1.250.000 (một triệu hai trăm ngàn đồng) tiền chi phí tố tụng cho chị A đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

5. Chị Trương Thị A và anh Trương Văn L liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã Th H, huyện M H; địa chỉ tại thôn Ph Nh, xã Th H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình theo sự phân chia của Tòa án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/9/2023), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Th H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn

